

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 10-8-2020.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị M, sinh năm 1972, Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M1, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2020.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn bà Đinh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, bà và ông Nguyễn Thanh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M2 (nay là huyện M1). Sau khi kết hôn, ông bà sống tại xã T1, huyện M và cùng nhau làm ăn chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Trong quá trình chung sống, ban đầu ông bà hạnh phúc nhưng được một thời gian thì không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Ông bà chính thức sống ly thân cách nay khoảng 03 năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quế A, sinh ngày 24/12/1994 và Nguyễn Hoài Ph, sinh ngày 06/5/2002. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn bà Đinh Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2020 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của bà Đinh Thị M và ông Nguyễn Thanh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo bà M trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông bà chính thức sống ly thân cách nay khoảng 03 năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L vì không còn tình cảm. Ông L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho ông L đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do chứng minh ông không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân ông bà sống bỏ mặc, không quan tâm nhau, không tạo điều kiện gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà M cương quyết được ly hôn với ông L vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quế A, sinh ngày 24/12/1994 và Nguyễn Hoài Ph, sinh ngày 06/5/2002. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập.

[4] *Về chia tài sản:* Theo bà M trình bày là vợ chồng ông bà không có tài sản chung và không có nợ ai, ông L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên ông không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó không có căn cứ để xác định ông bà có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Đinh Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị M.

Bà Đinh Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

2. *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quế A, sinh ngày 24/12/1994 và Nguyễn Hoài Ph, sinh ngày 06/5/2002. Hiện hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập.

3. *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí*: Bà Đinh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/***** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Kim Sang